

CÁC LOẠI HÌNH ĐẦU TƯ TƯ NHÂN TRÊN LĨNH VỰC CHẾ BIẾN, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TẠI TỈNH AN GIANG

*(Báo cáo tại Hội nghị toàn thể thường niên ISG
9 tháng 11 năm 2004)*

I. Các loại hình hoạt động của thành phần kinh tế tư nhân:

- An Giang là tỉnh nông nghiệp với sản phẩm chủ lực là lúa, cá; có khoảng 80% dân số là nông dân nên các ngành nghề chế biến, thương mại dịch vụ đa phần nằm trong lĩnh vực nông nghiệp & nông thôn.
- Hiện nay, toàn tỉnh có 2.110 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, bao gồm 20 công ty cổ phần, 359 công ty trách nhiệm hữu hạn, 1.731 doanh nghiệp tư nhân với tổng vốn đăng ký 1.825 tỉ đồng và 47.746 hộ kinh doanh cá thể với tổng vốn đăng ký 1.216 tỉ đồng. Ngoài ra, có trên 900 hộ thương lái và trên 3.000 hộ hàng xáo (mua bán nông sản) hoạt động theo mùa vụ với qui mô nhỏ, không đăng ký kinh doanh.
- Ngành nghề hoạt động của thành phần kinh tế tư nhân rất đa dạng bao gồm: sơ chế-chế biến nông lâm thủy sản, ngành nghề thủ công, cấp nước, thương mại, dịch vụ ...

II. Đầu tư của thành phần kinh tế tư nhân:

- Từ năm 2002 đến tháng 6/2004 (2 năm rưỡi), toàn tỉnh có 690 doanh nghiệp mới thành lập với vốn đăng ký 869 tỉ đồng và 12.084 hộ kinh doanh cá thể mới đăng ký với tổng vốn 443 tỉ đồng.
- Vốn đăng ký bình quân của một doanh nghiệp mới thành lập là 1.142 triệu đồng, trong đó, của doanh nghiệp tư nhân là 767 triệu đồng, của công ty TNHH là 1.626 triệu đồng, của công ty cổ phần là 7.114 triệu đồng. Vốn đăng ký bình quân của hộ kinh doanh cá thể gần 22 triệu đồng.
- Đầu tư trong năm 2003 của khu vực tư nhân (kể cả đóng góp của dân xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn) gần 4.000 tỉ đồng, chiếm trên 80% tổng đầu tư trong toàn tỉnh, góp phần chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh (ước tăng trưởng GDP của tỉnh năm 2004 đạt 10%).

III. Tác động tích cực của khu vực tư nhân:

- Trong 2,5 năm, khu vực tư nhân tạo ra 40.000 việc làm. Trong đó, các loại hình doanh nghiệp tạo việc làm cho trên 12.000 lao động, hộ kinh doanh cá thể trên 30.000 lao động. Bình quân 1 doanh nghiệp giải quyết việc làm cho 18 lao động, bình quân 1 hộ kinh doanh cá thể giải quyết việc làm cho 2 lao động. Ngoài ra, hộ thương lái - hàng xáo cũng giải quyết từ 3-5 lao động.

- Nhìn chung, qua tạo ra nhiều việc làm, khu vực tư nhân đã góp phần đáng kể vào công tác XDGN ở nông thôn, đưa số hộ nghèo theo tiêu chuẩn Bộ Lao động TBXH giảm từ 6,7% năm 2002 còn 5% năm 2003.
- Khu vực tư nhân nộp thuế trong 2 năm rưỡi là 617 tỉ đồng, gần bằng 2 lần thu từ doanh nghiệp nhà nước.
- Xuất khẩu: Trong 2,5 năm, tổng kim ngạch XK của tỉnh là 466 triệu USD (năm 2002:147 triệu USD, năm 2003:182 triệu USD, 6 tháng đầu năm 2004:137 triệu USD). Lĩnh vực tư nhân tham gia xuất khẩu chủ yếu là thủy sản, may mặc và cung ứng cho các DNNN xuất khẩu gạo.
- Hoạt động thương mại dịch vụ của thành phần kinh tế tư nhân góp phần làm cho sản xuất, sinh hoạt trong xã hội điều hòa, ổn định do có tính cạnh tranh, thuận mua vừa bán. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng bình quân 13% trong giai đoạn 2000-2003, với thành phần tư nhân chiếm trên 97%.

IV. Các chính sách của tỉnh An Giang:

1. Giải quyết vấn đề mặt bằng cho cơ sở sản xuất kinh doanh:

- Tỉnh xây dựng 2 khu công nghiệp (140 ha) ở huyện Châu Phú, huyện Châu Thành, xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Xuân Tô và Vĩnh Xương. Ngoài ra, các huyện đang qui hoạch các khu tiểu thủ công nghiệp để di dời các cơ sở ở nội ô và phát triển các cơ sở mới trên địa bàn huyện. Có chính sách miễn giảm tiền thuê đất cho các cơ sở vào đầu tư ở các khu công nghiệp-TTCN.
- Tỉnh giao nhiệm vụ cho Chủ tịch UBND huyện lo liệu vấn đề đất (thỏa thuận, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất) cho các nhà đầu tư xây dựng cơ sở trên địa bàn huyện miễn là không làm ảnh hưởng đến môi trường. Với cách làm này, tỉnh đã phát triển được một số cơ sở như: nhà máy chế biến hạt điều ở huyện Tri Tôn của công ty TNHH Nông Gia II (vốn đầu tư ban đầu 12 tỉ đồng-thu dụng 300 lao động), nhà máy chế biến gỗ ở huyện Tri Tôn của công ty TNHH Tấn Tài (vốn đầu tư ban đầu 28 tỉ đồng thu dụng 500 công nhân).
- Thực hiện nhanh chóng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyên dùng cho các cơ sở sản xuất nhỏ tại địa bàn.
- Giao, cho thuê kho, bãi nhà nước không sử dụng để các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh sử dụng vào mục đích kinh doanh.

2. Khen thưởng cho cá nhân, tập thể kêu gọi được đầu tư từ ngoài vào tỉnh; khen thưởng xuất khẩu, hỗ trợ xúc tiến thương mại.

3. Ưu đãi đầu tư ở các ngành nghề và địa bàn khuyến khích. Ngân sách bù lãi suất cho các dự án được quyết định ưu đãi đầu tư.

4. Miễn học phí cho sinh viên Đại học An Giang (các ngành quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, phát triển nông thôn) nếu có hợp đồng cam kết sau khi tốt nghiệp sẽ về công tác cho HTX.NN, trang trại ít nhất 5 năm. Tổ chức nhiều đợt tập huấn về khởi sự doanh nghiệp cho trên 500 người tham dự là chủ cơ sở nhỏ.
5. Đẩy mạnh phát triển internet về nông thôn. Chương trình Internet nông thôn của tỉnh đã phát triển 62 điểm truy cập internet tại các xã và 5 điểm truy cập internet tại câu lạc bộ nông dân. Nhà nước tập huấn, lắp đặt máy tính và cấp thẻ cho thành viên tham gia. Tỉnh có trang web chung, liên kết với trang web của các ngành: nông nghiệp, thương mại... để thông tin quảng bá về pháp luật chính sách, giá cả thị trường, khoa học kỹ thuật... Ngoài ra, Sở Nông nghiệp&PTNT và Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại du lịch còn phát hành bản tin định kỳ để hỗ trợ thông tin cho nông dân, chủ trang trại, cơ sở SXKD nhỏ ...

V. Nhận xét và khuyến nghị:

1. Nhận xét:

Phát triển của khu vực tư nhân trên lĩnh vực chế biến, thương mại, dịch vụ nông nghiệp nông thôn còn hạn chế do các nguyên nhân sau:

- Thiếu kiến thức, kỹ năng về quản trị kinh doanh, đặc biệt là marketing. Công tác kế toán rất yếu kém, chỉ có khoảng 20% cơ sở có kế toán riêng, còn lại là thuê bên ngoài làm sổ sách quyết toán và báo cáo cuối kỳ. Hiểu biết về pháp luật còn hạn chế.
- Khả năng nắm bắt thông tin, tiếp cận thị trường của kinh tế tư nhân còn hạn chế do trình độ chuyên môn và ngoại ngữ kém nên thu thập thông tin chủ yếu qua quen biết cá nhân, điện thoại; chưa khai thác hiệu quả mạng internet.
- Thiếu vốn do kiểu làm ăn cá thể (hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân) còn phổ biến; công ty cổ phần còn ít. Do đó; phần lớn các cơ sở tư nhân có qui mô nhỏ; kinh doanh các ngành nghề đơn giản, dễ làm; thiếu tầm nhìn và chiến lược kinh doanh dài hạn.

Do vậy, hiện nay, hàng hóa xuất khẩu chủ lực như gạo, thủy sản gần như chưa được doanh nghiệp nào (kể cả DNNN) đăng ký nhãn hiệu hàng hóa ở thị trường XK mà chỉ là cung ứng nguyên liệu cho nhà phân phối nước ngoài. Vì không có sản phẩm đặc trưng riêng, các doanh nghiệp không cần liên kết xây dựng vùng nguyên liệu ổn định và thực hiện chủ trương mua nông sản hợp đồng. Do đó, giá trị nông sản trên 1 ha khó nâng lên được và thu nhập của nông dân không được cải thiện nhiều.

- Nhìn chung, chưa có cơ quan nào chuyên theo dõi và hỗ trợ thành phần kinh tế tư nhân hoạt động ở nông thôn.

2. Khuyến nghị:

2.1- Có nhiều dự án hỗ trợ kỹ thuật cho thành phần kinh tế tư nhân hoạt động trên lĩnh vực chế biến, thương mại, dịch vụ nông nghiệp như:

- Tập huấn ngắn hạn kỹ năng thực hành về quản trị kinh doanh, kế toán (chuyên giao và tập huấn sử dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ), khai thác thông tin qua internet.
- Cử chuyên gia hỗ trợ Sở Nông nghiệp&PTNT nâng cấp trang web để phục vụ thông tin thương mại, làm đầu mối giúp các doanh nghiệp nhỏ xúc tiến thương mại và mua bán qua mạng.

2.2- Giao cho Chi cục HTX&PTNT chịu trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật cho thành phần kinh tế tư nhân hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp-nông thôn. Từ đó, có dự án, chương trình đào tạo chuyên sâu về các kỹ năng có liên quan cho đội ngũ cán bộ của đơn vị này để có thể hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn cho cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, hộ thương lái-hàng xáo ở nông thôn.

2.3- Đề xuất các biện pháp hỗ trợ, chấn chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh nông thủy sản:

- Việc xây dựng thương hiệu nông sản (gạo, cá da trơn) ở thị trường nước ngoài là quá khả năng của từng doanh nghiệp nên nhà nước cần có chiến lược, giải pháp tổ chức xây dựng thương hiệu cấp quốc gia đối với các mặt hàng chủ yếu như gạo, thủy sản... trên các thị trường xuất khẩu trọng điểm.
- Để khắc phục tình trạng các cơ sở xuất khẩu trong nước cạnh tranh không lành mạnh với nhau (tụt hạ giá xuất khẩu) làm cho nông dân bị thiệt thòi và dễ bị nước ngoài áp đặt thuế chống phá giá, đề nghị Bộ Nông nghiệp&PTNT đề xuất với Chính phủ qui định *giá sàn* đối với những mặt hàng nông sản chủ lực có khả năng chi phối thị trường thế giới như: gạo, cá da trơn... và *áp dụng mức thuế xuất khẩu* nhất định nếu doanh nghiệp nào bán dưới giá sàn qui định này.

Đồng thời, để tránh tình trạng mất cân đối cung cầu, tạo ra khủng hoảng thừa, đề nghị Bộ làm đầu mối qui hoạch cân đối cả vùng đối với những ngành hàng giống nhau (như lúa lúa chất lượng cao, lúa thơm, cá da trơn...) vì từng tỉnh không thể làm được, đồng thời, có biện pháp chế tài, xử lý vi phạm.

SỞ NÔNG NGHIỆP&PTNT TỈNH AN GIANG